

Số: 584/QĐ-BVML

Mê Linh, ngày 14 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị của Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MÊ LINH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số: 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội về Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội khóa 15 về thực hiện dân chủ cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-BVML ngày 14 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu "Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị" thuộc dự án "Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2022-2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh";

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính- Kế toán Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Gói thầu thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị của Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh (Có danh mục đính kèm)

Hình thức công khai: Công khai tại trang thông tin điện tử nội bộ và niêm yết tại bảng tin của đơn vị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau 90 ngày.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các khoa, phòng có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở y tế Hà Nội (Để báo cáo);
- Lưu: VT, TC_KT.



Trần Quang Trịnh

CÔNG KHAI KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói số 02 : Gói thầu thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVML ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh)

TT	Tên biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền	Nhóm thuốc
1. Công ty TNHH MTV Dược liệu TW2															
1	Sevorane Sol 250ml 1's	Sevoflurane	100% w/w (250ml)	Gây mê qua đường hô hấp	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Hộp 1 chai 250ml	36	VN-20637-17	Abbvie S.r.l	Ý	Chai	25	3,578,600	89,465,000	Nhóm BDG
2	Unasyn Inj 1500mg 1's	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) + Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri)	0.5g ; 1g	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Thuốc bột pha tiêm, truyền	Hộp 1 lọ	36	VN-20843-17	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Lọ	1,000	65,999	65,999,000	Nhóm BDG
3	Concor Tab 5mg 3x10'S	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VN-17521-13	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSDG: Áo	Viên	5,000	4,290	21,450,000	Nhóm BDG

TT	Tên biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền	Nhóm thuốc
4	Nebilet Tab 5mg 14's	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol HCl)	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 14 viên	36	VN-19377-15	Berlin Chemie AG	Đức	Viên	5,000	7,600	38,000,000	Nhóm BDG
5	Procoralan Tab 7.5mg 56's	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride) 7,5mg	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	36	VN-21894-19	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	3,000	10,546	31,638,000	Nhóm BDG
6	Nexium Inj 40mg 1's	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazole 40mg)	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ bột pha tiêm 5ml	24	VN-15719-12	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Lọ	200	153,560	30,712,000	Nhóm BDG
7	Spasmomen Tab 40mg 3x10's	Otilonium bromide	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VN-18977-15	Berlin-Chemie AG	Đức	Viên	5,000	3,535	17,675,000	Nhóm BDG



 BỘ Y TẾ

TT	Tên biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền	Nhóm thuốc
8	Glucovance 500mg/2.5 mg Tab 30's	Metformin hydrochlorid (tương đương với metformin 390 mg); glibenclamid	500mg/2, 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	36	VN-20022-16	Merck Sante s.a.s	Pháp	Viên	25,000	4,560	114,000,000	Nhóm BDC
9	Pulmicort Respules 500mcg/ 2ml 20's	Budesonid	500mcg/ 2ml	Hít	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	24	VN-19559-16	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Ống	2,000	13,834	27,668,000	Nhóm BDG
Tổng: 09 khoản														436,607,000	